TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:193/2023/DS-PT
Ngày 13/11/2023
V/v: tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: - Ông Đặng Văn Lộc
-Ông Nguyễn Văn Trường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Bích Liễu - Thẩm tra viên Tòa án nhân nhân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng10 năm 2023, về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2023/QĐXX-PT, ngày 25 tháng10năm 2023, giữa:

1.Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1963 (có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Tân Th, xã Tân Ph, huyện Cay Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Phước Định M xã Bình Hoà P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

2.Bị đơn: Bà Võ Thị T1, sinh năm 1967 (có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Hưng Đ, xã Hưng Khánh Trung A, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp Mỹ Trung H, xã Mỹ Thạnh Tr, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Do có kháng cáo của bà Võ Thị T1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2023 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông sống chung như vợ chồng với bà Võ Thị T1 vào tháng 12/2021, ông có hùn vốn làm ăn chung với bà T1 số tiền là 55.000.000đ, cụ thể mua

bán cây giống kiểng, kéo điện nơi trồng cây kiểng. Đến ngày 08/11/2022 bà T1 không muốn làm ăn chung với ông nên chấm dứt việc hùn vốn, bà T1 viết tờ cam kết ngày 08/11/2022 sẽ trả lại cho ông số tiền 55.000.000đ. Đến ngày 25/11/2022 bà T1 có trả cho ông số tiền 2.800.000đ và sau đó trả tiếp 5.000.000đ nhưng không nhớ rõ ngày tháng, tổng cộng trả được 7.800.000đ. Còn lại 47.200.000đ chưa trả.

Nay ông yêu cầu bà T1 trả số tiền còn lại 47.200.000đ và tiền lãi tính từ ngày 25/4/2023 đến ngày 25/7/2023 là 03 tháng x 0.83% = 1.080.000đ.

Tại bản khai ngày 23/6/2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị T1 trình bày:

Bà thừa nhận có sống chung như vợ chồng với ông Nguyễn Văn T và ông T có góp vốn làm ăn chung với bà số tiền là 55.000.000đ, sử dụng vào việc mua bán cây giống kiểng, kéo điện nơi trồng cây kiểng tại ấp Mỹ Trung H, xã Mỹ Thạnh Tr, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Đến ngày 08/11/2022 bà không muốn sống chung, không làm ăn chung với ông T nữa, vì ông T có hành vi dùng vũ lực với bà nên bà mời Công an ấp Mỹ Trung H đến chứng kiến việc lập cam kết trả tiền cho ông T với số tiền là 55.000.000đ. Sau đó bà có trả góp được 10 tháng, mỗi tháng 2.800.000đ, tổng cộng 28.000.000đ, trả thêm 15.000.000đ vào ngày mùng 4 tết âm lịch năm 2023, các lần trả tiền đều không làm biên nhận, vì lúc này ông Thành đã trở về sống chung với bà, còn lại 12.000.000đ trừ vào chi phí sinh hoạt khi ông T sống chung như vợ chồng với bà. Nay bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 31tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Võ Thị T1 trả ông Nguyễn Văn T số tiền 47.200.000đồng, tiền lãi 1.080.000đồng, tổng cộng là 48.280.000đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/8/2023 bà Võ Thị T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: bà T1 đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 12.000.000đ, không đồng ý trả tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Võ Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà T1 đồng ý trả ông T số tiền 12.000.000đ.

Ông Nguyễn Văn T thừa nhận ngoài số tiền bà T1 trả ông 7.800.000đ thì ông có nhận thêm của bà T1 số tiền 4.000.000đ, tổng cộng ông đã nhận của bà T1 là 11.800.000đ, còn lại 43.200.000đ yêu cầu bà T1 phải trả cho ông, không yêu cầu trả lãi.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 29 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa án sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Võ Thị T1.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên bị đơn T1 không phải chịu án phí phúc thẩm, số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm sẽ được trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: ngày 31/7/2023, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 04/8/2023 bị đơn bà Võ Thị T1 kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Võ Thị T1;

Xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Võ Thị T1 thừa nhận bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào khoảng năm 2022, ông T có hùn vốn với bà trồng cây kiểng và kéo điện tại ấp Mỹ Trung H, xã Mỹ Thạnh Tr, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nơi bà thuê đất. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên ngày 08/11/2022 bà có nhờ Công an viên đến chứng kiến việc hai người không còn chung sống với nhau nữa, lúc này bà có ký vào tờ cam kết sẽ trả lại cho ông T số tiền 15.000.000đ và tiền lãi 490.000đ vào ngày 23/11/2022, trả số tiền 40.000.000đ và lãi suất 2.773.000đ vào ngày 25 hàng tháng, tổng cộng tiền vốn là 55.000.000đ. Bà T1 thừa nhận chữ ký trong tờ cam kết ngày 08/11/2022 đúng là chữ ký của bà, bà tự nguyện ký không bị ai ép buộc. Tuy nhiên bà T1 cho rằng sau khi ký vào tờ cam kết thì bà có trả cho ông T nhiều lần, nhưng do tin tưởng nên không có biên nhận, hiện nay chỉ còn thiếu lại số tiền 12.000.000đ và đồng ý trả cho ông T số tiền này. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì khi đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Bà T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ có trả tiền cho ông T nhiều lần, chỉ còn thiếu lại 12.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T thừa nhận có nhận của bà T1 tổng cộng là 11.800.000đ, còn lại 43.200.000đ yêu cầu bà T1 phải trả, không yêu cầu trả lãi là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Buộc bà T1 có nghĩa vụ trả ông T số tiền còn lại 43.200.000đ là phù hợp (55.000.000đ – 11.800.000đ).

Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho kháng cáo là có cơ sở nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

[2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: do sửa án nên sửa lại án phí. Bà T1 phải chịu án phí trên tổng số tiền phải trả cho ông T1 là 43.200.000đ x 5% = 2.160.000đ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên bị đơn là người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.Tiền tạm ứng án phí hoàn trả bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Võ Thị T1; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T;

1.Buộc bà Võ Thị T1 có nghĩa vụ hoàn trả ông Nguyễn Văn T số tiền 43.200.000đồng (Bốn mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án) đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Võ Thị T1 phải chịu 2.160.000đ (Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hoàn trả ông Nguyễn Văn T tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.432.000đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên lai số 0011456 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3.Về án phí dân sự phúc thẩm: bà T1 không phải chịu án phí. Hoàn trả bà Võ Thị T1 tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011681 ngày 04/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND cùng cấp;
-TAND huyện Tam Bình;
-CCTHADS huyện Tam Bình.
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình